ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ SÊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 261 /TTr-UBND	*Chư Sê, ngày 01 tháng 11 năm 2022*

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt kế hoạch phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện khóa X, Kỳ họp thứ Tám.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 8/7/2022 của HĐND tỉnh Gia Lai về việc ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện chương trình trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 616/QĐ-UBND, ngày 06/10/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022.

UBND huyện Chư Sê đề nghị Hội đồng nhân dân huyện khóa X, Kỳ họp thứ Tám phê duyệt kế hoạch vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022, với các nội dung sau:

1. Tổng vốn sự nghiệp phân bổ năm 2022: 3.119 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 2.836 triệu đồng
- Ngân sách tỉnh: 23 triệu đồng
- Ngân sách huyện đối ứng: 260 triệu đồng

2. Riêng đối với phần kinh phí huyện đối ứng thực hiện chương trình, đề xuất sử dụng nguồn dự phòng ngân sách huyện năm 2022 để thực hiện đối ứng.

(Có Phụ lục 1, 2 chi tiết kèm theo)

Ủy ban nhân dân huyện Chư Sê trình Hội đồng nhân dân huyện khóa X, Kỳ họp thứ Tám xem xét, quyết định./.

Nơi nhận: - Như trên; - Thường trực Huyện ủy; - Thường trực HĐND huyện; - Chủ tịch, Phó chủ tịch UBND; - Ban Kinh tế - xã hội; - Phòng Tài chính-Kế hoạch; - CVP, các PCVP UBND huyện; - Lưu VT, KTTH.	**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** **CHỦ TỊCH** **Rmah H' Bé Nét**

Phụ lục 01

PHÂN BỔ VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CHƯ SÊ

(Kèm theo Tờ trình số 261 /TTr-UBND ngày 01 / 11 /2022 của UBND huyện Chư Sê)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên Dự án	Tổng vốn sự nghiệp				
		Tổng	NSTW	NSĐP	Bao Gồm	
					Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
	Tổng cộng	**3.119**	**2.836**	**283**	**23**	**260**
1	**Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo**	**1.134**	1.031	103		**103**
2	**Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng**	**490**	446	44		**44**
2.1	**Tiểu Dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp**	**490**	446	44		**44**
3	**Dự án 4: Phát triển giáo nghề nghiệp, việc làm bền vững**	**874**	794	80		**80**
3.1	**Tiểu Dự án 1: Phát triển GDNN vùng nghèo, vùng khó khăn**	**654**	594	60		**60**
3.2	**Tiểu Dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững**	**220**	200	20		**20**
4	**Dự án 6: Truyền thông về giảm nghèo và thông tin**	**228**	207	21		**21**
4.1	**Tiểu Dự án 1: Giảm nghèo về thông tin**	**199**	181	18		**18**
4.2	**Tiểu Dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều**	**29**	26	3		**3**
5	**Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá chương trình**	**393**	358	35		**12**
5.1	**Tiểu Dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình**	**257**	234	23	**23**	
5.2	**Tiểu Dự án 2: Giám sát, đánh giá**	**136**	124	12		**12**

Phụ lục 02

PHÂN BỔ VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQGGN BỀN VỮNG NĂM 2022
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CHƯ SÊ
(Kèm theo Tờ trình số 261/TTr-UBND ngày 01/11/2022 của UBND huyện Chư Sê)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Các đơn vị	Tổng vốn sự nghiệp năm 2022	Trong đó			Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	Trong đó			Tiểu DA1: Hỗ trợ phát triển SX trong lĩnh vực NN-Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	Trong đó			Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững									Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin									Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá chương trình								
			NSTW	NSĐP			NSTW	NSĐP			NSTW	NSĐP		Tổng vốn	TDA1: Phát triển GDNN vùng nghèo, vùng khó khăn	NSTW	NSĐP		TDA3: Hỗ trợ việc làm bền vững	NSTW	NSĐP		Tổng vốn	TDA1: Giảm nghèo về thông tin	NSTW	NSĐP		TDA2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	NSTW	NSĐP		Tổng vốn	TDA1: Nâng cao năng lực thực hiện chương trình	NSTW	NSĐP		TDA2: Giám sát, đánh giá	NSTW	NSĐP	
				NS tỉnh	NS huyện			NS tỉnh	NS huyện			NS tỉnh	NS huyện				NS tỉnh	NS huyện			NS tỉnh	NS huyện				NS tỉnh	NS huyện			NS tỉnh	NS huyện				NS tỉnh	NS huyện				NS tỉnh	NS huyện
	TỔNG CỘNG	**3.119.000**	**2.836.000**	**23.000**	**260.000**	**1.134.000**	**1.031.000**	**0**	**103.000**	**490.000**	**446.000**	**0**	**44.000**	**874.000**	**654.000**	**594.000**	**0**	**60.000**	**220.000**	**200.000**	**0**	**20.000**	**29.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**29.000**	**26.000**	**0**	**3.000**	**393.000**	**257.000**	**234.000**	**23.000**	**0**	**136.000**	**124.000**	**0**	**12.000**
I	**Các phòng, ban**	**1.296.000**	**1.178.000**	**23.000**	**95.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**874.000**	**654.000**	**594.000**	**0**	**60.000**	**220.000**	**200.000**	**0**	**20.000**	**29.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**29.000**	**26.000**	**0**	**3.000**	**393.000**	**257.000**	**234.000**	**23.000**	**0**	**136.000**	**124.000**	**0**	**12.000**
1	Phòng LĐTB&XH	1.296.000	1.178.000	23.000	95.000									874.000	654.000	594.000		60.000	220.000	200.000		20.000	29.000					29.000	26.000		3.000	393.000	257.000	234.000	23.000		136.000	124.000		12.000
II	**UBND các xã**	**1.823.000**	**1.658.000**	**0**	**165.000**	**1.134.000**	**1.031.000**	**0**	**103.000**	**490.000**	**446.000**	**0**	**44.000**																											
1	Xã Ia Ko	1.624.000	1.477.000		147.000	1.134.000	1.031.000		103.000	490.000	446.000		44.000																											
2	Xã Ayun	199.000	181.000	0	18.000																		199.000	199.000	181.000		18.000													

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /NQ-HĐND	*Chư Sê, ngày tháng 11 năm 2022*

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
Về việc phê duyệt kế hoạch phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ KHÓA X
KỲ HỌP THỨ TÁM

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 8/7/2022 của HĐND tỉnh Gia Lai về việc ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện chương trình trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 616/QĐ-UBND, ngày 06/10/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022.

Xét đề nghị của UBND huyện tại Tờ trình số 261/TTr-UBND ngày 01/11/2022 của UBND huyện về việc phê duyệt kế hoạch phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - xã hội huyện và ý kiến thảo luận của Đại biểu HĐND huyện tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thống nhất kế hoạch phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022, với các nội dung sau:

1. Tổng vốn sự nghiệp phân bổ năm 2022: 3.119 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 2.836 triệu đồng

- Ngân sách tỉnh: 23 triệu đồng

- Ngân sách huyện đối ứng: 260 triệu đồng

2. Đối với phần kinh phí huyện đối ứng thực hiện chương trình, HĐND huyện thống nhất sử dụng nguồn dự phòng ngân sách huyện năm 2022 để thực hiện đối ứng.

(Có Phụ lục 1, 2 chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao UBND huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực HĐND huyện, các Ban HĐND huyện, Đại biểu HĐND huyện căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện Chư Sê khóa X – Kỳ họp thứ Tám thông qua ngày 02 tháng 11 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Hà

Nơi nhận:
- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- CT, các Phó CT. UBND huyện;
- BTT. UBMTTQ huyện;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Phòng, Ban thuộc huyện;
- TT. HĐND-UBND-UBMTTQ các xã, thị trấn;
- Các vị đại biểu HĐND huyện;
- Lãnh đạo Văn phòng HĐND&UBND huyện;
- Cổng thông tin Điện tử huyện;
- Lưu: VT, HĐ.

Phụ lục 01

PHÂN BỔ VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CHƯ SÊ

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /11/2022 của HĐND huyện Chư Sê)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên Dự án	Tổng vốn sự nghiệp				
		Tổng	NSTW	NSĐP	Bao Gồm	
					Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
	Tổng cộng	**3.119**	**2.836**	**283**	**23**	**260**
1	**Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo**	**1.134**	1.031	103		**103**
2	**Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng**	**490**	446	44		**44**
2.1	**Tiểu Dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp**	**490**	446	44		**44**
3	**Dự án 4: Phát triển giáo nghề nghiệp, việc làm bền vững**	**874**	794	80		**80**
3.1	**Tiểu Dự án 1: Phát triển GDNN vùng nghèo, vùng khó khăn**	**654**	594	60		**60**
3.2	**Tiểu Dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững**	**220**	200	20		**20**
4	**Dự án 6: Truyền thông về giảm nghèo và thông tin**	**228**	207	21		**21**
4.1	**Tiểu Dự án 1: Giảm nghèo về thông tin**	**199**	181	18		**18**
4.2	**Tiểu Dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều**	**29**	26	3		**3**
5	**Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá chương trình**	**393**	358	35		**12**
5.1	**Tiểu Dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình**	**257**	234	23	**23**	
5.2	**Tiểu Dự án 2: Giám sát, đánh giá**	**136**	124	12		**12**

Phụ lục: 02

PHÂN BỔ VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQGGN BỀN VỮNG NĂM 2022
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CHƯ SÊ
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND, ngày /11/2022 của HĐND huyện Chư Sê)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Các đơn vị	Tổng vốn sự nghiệp năm 2022	Trong đó			Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	Trong đó			Tiểu DA1: Hỗ trợ phát triển SX trong lĩnh vực NN-Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	Trong đó			Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững								Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin									Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá chương trình								
			NSTW	NSĐP			NSTW	NSĐP			NSTW	NSĐP		Tổng vốn	TDA1: Phát triển GDNN vùng nghèo, vùng khó khăn	NSTW	NSĐP		TDA3: Hỗ trợ việc làm bền vững	NSTW	NSĐP		Tổng vốn	TDA1: Giảm nghèo về thông tin	NSTW	NSĐP		TDA2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	NSTW	NSĐP		Tổng vốn	TDA1: Nâng cao năng lực thực hiện chương trình	NSTW	NSĐP		TDA2: Giám sát, đánh giá	NSTW	NSĐP	
				NS tỉnh	NS huyện			NS tỉnh	NS huyện			NS tỉnh	NS huyện				NS tỉnh	NS huyện			NS tỉnh	NS huyện				NS tỉnh	NS huyện			NS tỉnh	NS huyện				NS tỉnh	NS huyện			NS tỉnh	NS huyện
	TỔNG CỘNG	**3.119.000**	**2.836.000**	**23.000**	**260.000**	**1.134.000**	**1.031.000**	**0**	**103.000**	**490.000**	**446.000**	**0**	**44.000**	**874.000**	**654.000**	**594.000**	**0**	**60.000**	**220.000**	**200.000**	**0**	**20.000**	**29.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**29.000**	**26.000**	**0**	**3.000**	**393.000**	**257.000**	**234.000**	**23.000**	**0**	**136.000**	**124.000**	**0**	**12.000**
I	**Các phòng, ban**	**1.296.000**	**1.178.000**	**23.000**	**95.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**874.000**	**654.000**	**594.000**	**0**	**60.000**	**220.000**	**200.000**	**0**	**20.000**	**29.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**29.000**	**26.000**	**0**	**3.000**	**393.000**	**257.000**	**234.000**	**23.000**	**0**	**136.000**	**124.000**	**0**	**12.000**
1	Phòng LĐTB&XH	1.296.000	1.178.000	23.000	95.000									874.000	654.000	594.000		60.000	220.000	200.000		20.000	29.000					29.000	26.000		3.000	393.000	257.000	234.000	23.000		136.000	124.000		12.000
II	**UBND các xã**	**1.823.000**	**1.658.000**	**0**	**165.000**	**1.134.000**	**1.031.000**	**0**	**103.000**	**490.000**	**446.000**	**0**	**44.000**																											
1	Xã Ia Ko	1.624.000	1.477.000		147.000	1.134.000	1.031.000		103.000	490.000	446.000		44.000																											
2	Xã Ayun	199.000	181.000	0	18.000																		199.000	199.000	181.000		18.000													